

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2017/DS-ST

Ngày: 04/8/2017

*“V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự
Hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Thanh.
2. Ông Bùi Văn Dũng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Vào ngày 04/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2017/TLST-DS, ngày 07/3/2017; “ V/v tranh chấp hợp đồng dân sự - Hợp đồng vay tài sản ”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 65/2017/QĐST-DS, ngày 30/6/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2017/QĐST-DS, ngày 18/7/2017 giữa:

Nguyên đơn: Đặng Thị N, sinh năm 1979

Địa chỉ: tổ 40, khóm 5, phường 6, Thành phố CL, tỉnh ĐT.

Người đại diện hợp pháp của chị N: Bà Ngô Thị Kim X, sinh năm 1960. Địa chỉ: tổ 34, khóm 3, phường 1, Thành phố CL, tỉnh ĐT. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17/02/2017).

Bị đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1944

Địa chỉ: Tổ 22, khóm 3, phường 6, Thành phố CL, tỉnh ĐT.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Thị KX, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ 22, khóm 3, phường 6, Thành phố CL, tỉnh ĐT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Ngô Thị Kim X đại diện theo ủy quyền của chị Đặng Thị N trình bày: Ngày 14/4/2015 chị Đặng Thị N có cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng (chỉ thỏa thuận miệng, không ghi vào biên nhận), thời hạn vay là 01 năm, khi vay có làm biên nhận và bà T có thể chấp cho chị N 01 giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số CH04260, diện tích 221,2m², thửa 3469, tờ bản đồ số 8, loại đất lúa.

Bà T có đóng lãi cho chị N đến tháng 12/2015 là 8 tháng với số tiền lãi là 12.800.000 đồng. Đến tháng 9/2016 trả vốn số tiền 40.000.000 đồng.

Trong đơn khởi kiện chị N yêu cầu bà T trả cho chị số tiền vốn 80.000.000 đồng. Nay chị N có thay đổi yêu cầu so với đơn khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T trả cho chị N số tiền vốn là 40.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 10/2016 đến tháng 7 /2017 là 9 tháng, lãi suất 1%/tháng = 3.600.000 đồng.

Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 43.600.000 đồng. Căn cứ chứng minh cho yêu cầu của chị N là biên nhận bản chính ngày 14/4/2015 do bà T ký tên và viết họ tên, lời thừa nhận của chị N về việc có nhận số tiền lãi 12.800.000 đồng và tiền vốn 40.000.000 đồng. Ngoài ra không còn chứng cứ nào khác.

Tại văn bản ghi ý kiến ngày 20/3/2017, bà T thừa nhận là bà có ký vào biên nhận vay của chị N số tiền 80.000.000 đồng, vay hai lần, mỗi lần 40.000.000 đồng, biên nhận do Huỳnh Thị KX là con của bà T viết và đem về đưa cho bà T ký tên, bà T có thể chấp cho chị N 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, bà T cho rằng số tiền này do Huỳnh Thị KX là con bà vay của N chứ bà không có vay, nên Huỳnh Thị KX có trách nhiệm trả cho N.

Tại biên bản hòa giải ngày 07/4/2017 chị Huỳnh Thị KX được bà T ủy quyền có trình bày: Chị Huỳnh Thị KX cũng thừa nhận là chị có vay của chị N số tiền 80.000.000 đồng, vay 2 lần, mỗi lần 40.000.000 đồng, có làm biên nhận do chị viết và đưa cho bà Nguyễn Thị T ký tên, khi vay chị có lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T thế chấp cho chị N, lãi suất là 3%/tháng, chị KX đã đóng lãi cho chị N đầy đủ. Đến tháng 9/2016 chị KX có trả cho chị N số tiền 40.000.000 đồng, chỉ còn nợ số tiền vốn 40.000.000 đồng, số tiền này chị đồng ý đứng ra trả cho chị N. Chị Huỳnh Thị KX không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho việc chị có vay tiền của chị N, cũng như việc chị trả lãi 3%/tháng cho chị N.

Chị Huỳnh Thị KX xác định biên nhận ngày 14/4/2015 mà chị N xuất trình cho Tòa án là biên nhận do chị viết đưa cho bà T ký tên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện của chị N thì Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “ Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản”, địa chỉ của bị đơn tại thành phố Cao Lãnh, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự và thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[2] Bà Nguyễn Thị T và chị Huỳnh Thị KX đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà T và chị KX.

[3] Theo biên nhận ngày 14/4/2015 do bà Kim X là người đại diện theo ủy quyền cho chị N xuất trình có nội dung bà Nguyễn Thị T có vay của chị N số tiền 80.000.000 đồng và thế chấp cho chị N 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà T đã đóng lãi cho chị N số tiền 12.800.000 đồng. Đến tháng 9/2016 trả vốn được 40.000.000 đồng.

Điều này cũng được thể hiện qua Văn bản ghi ý kiến của bà Nguyễn Thị T ngày 20/3/2017 và lời trình bày chị Huỳnh Thị KX tại biên bản hòa giải ngày 07/4/2017. Việc chị Huỳnh Thị KX cho rằng số tiền này là do chị vay của chị N và đồng ý đứng ra trả cho chị N, nhưng chị N không thừa nhận việc này, nên lời trình bày của chị KX là không có căn cứ để chấp nhận. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì ..” Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh..”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào biên nhận nợ và lời thừa nhận của người đại diện theo ủy quyền của chị N xác định số tiền vốn mà bà T còn nợ chị N theo biên nhận là 40.000.000 đồng. Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, thì bà T phải có nghĩa vụ trả cho chị N số tiền vốn 40.000.000 đồng.

[4] Đối với số tiền lãi theo lời trình bày của chị N thì lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng. Còn chị Huỳnh Thị KX trình bày thì lãi suất là 3%/tháng. Việc thỏa thuận lãi suất của các bên không được ghi vào biên nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì “ Trường hợp các bên có thỏa thuận về trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định.....” Như vậy, việc chị N yêu cầu tính lãi 1%/tháng đối với số tiền vốn 40.000.000 đồng và thời gian tính lãi từ tháng 10/2016 đến tháng 7/2017, thành tiền là 3.600.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận yêu cầu của chị N.

[5] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04260, diện tích 221,2m², thửa 3469, tờ bản đồ số 8, loại đất lúa của hộ T khi vay tiền có thế chấp cho chị N giữ, việc thế chấp này không đúng quy định tại khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013 quy định về điều kiện thực hiện quyền thế chấp quyền sử dụng đất và Điều 319 Bộ luật dân sự quy định về Hiệu lực của thế chấp tài sản. Do chị N nhận thế chấp quyền sử dụng đất không đúng quy định, nên chị N có nghĩa vụ trả lại cho bà T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã nêu trên.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chị N được chấp nhận yêu cầu, nên chị N được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Bà T phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 466, 468 và 357, 319 Bộ Luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị T trả cho chị Đặng Thị N số tiền vốn và tiền lãi là 43.600.000 đồng (Bốn mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân

Chị Đặng Thị N có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T ngày 21/2/2014, số CH04260, diện tích 221,2m², thửa 3469, tờ bản đồ số 8, loại đất lúa.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 2.180.000 đồng (Hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Đặng Thị N được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai thu số 08550, ngày 06/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKS TPCL;
- Các đương sự;
- Lưu VPTA-HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hằng